

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, VẬN DỤNG VÀO THỰC TIỄN GIÁO DỤC VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

Nguyễn Thị Thu Hằng
Tiến sĩ, Trường Đại học Vinh

Tóm tắt: Giáo dục phổ thông Việt Nam đang có sự đổi mới cơ bản và toàn diện phù hợp với xu thế phát triển chung của giáo dục thế giới. Trong các phương diện đổi mới của giáo dục Việt Nam hướng tới nâng cao chất lượng dạy và học theo tiếp cận năng lực, đổi mới chương trình giáo dục (CTGD), mô hình đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục trường phổ thông (GDPT), được xem là khâu then chốt. Việc nghiên cứu kinh nghiệm phát triển chương trình (CT) và nội dung GDPT ở một số quốc gia sẽ góp phần cung cấp nguồn tài liệu tham khảo cho việc triển khai chương trình GDPT Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: Xu thế, đổi mới giáo dục, giáo dục phổ thông, phát triển, chương trình giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục.

INTERNATIONAL EXPERIENCE ON GENERAL EDUCATION PROGRAM DEVELOPMENT, APPLICATION TO PRACTICE OF VIETNAM EDUCATION IN CURRENT CONTEXT

Abstract: General education in Vietnam is undergoing a fundamental and comprehensive renovation in line with the general development trend of world education. In the innovation aspects of education, Vietnam aims to enhance the quality of teaching and learning according to the competency approach, renovating the educational program, the model of regular training and fostering of teachers and managers of high school education is considered a key stage. The study of experience in program development and contents of general education in some countries will contribute to providing a reference source for the implementation of the Vietnamese general education program in the current context.

Keywords: trends, educational innovation, general education, development, educational programs, educational administrators.

Nhận bài: 28.12.2025

Phản biện: 20.01.2026

Duyệt đăng: 25.01.2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cũng như quốc gia trên thế giới, Việt Nam đang tham gia sâu rộng vào quá trình hội nhập quốc tế ở tất cả các lĩnh vực, trong đó có giáo dục và đào tạo. Do vậy trong quá trình phát triển giáo dục nói chung và GDPT nói riêng, việc tìm hiểu các thông tin về chương trình và phát triển chương trình ở các quốc gia có nền giáo dục phát triển cao và các nước tương đồng với Việt Nam là hết sức cần thiết. Hoạt động này một mặt nhằm giúp giáo dục Việt Nam hội nhập được với giáo dục thế giới, mặt khác qua mô tả, phân tích có thể rút ra những bài học cho phát triển chương trình GDPT Việt Nam đảm bảo tiến trình liên tục của chu trình phát triển.

Bên cạnh đó, trong hơn một thập kỉ trở lại đây, hệ thống giáo dục của nước ta đã có những thay đổi cơ bản từ sự đa dạng của các loại hình nhà trường, các loại hình đào tạo đến sự xuất hiện của các nhu cầu giáo dục khác nhau với các chương trình giáo dục tương ứng. Đặc biệt dưới tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và yêu cầu hội nhập quốc tế, hoạt động phát triển chương trình ngày càng trở nên phức tạp, mở, linh hoạt một cách chưa từng có đòi hỏi nhà

quản lý phải có những năng lực mới, thích ứng nhanh với sự thay đổi đó

Ở bài viết này, trên cơ sở làm rõ một số vấn đề lý luận về phát triển chương trình GDPT và nghiên cứu kinh nghiệm phát triển chương trình, nội dung GDPT ở một số quốc gia góp phần cung cấp nguồn tài liệu tham khảo cho việc triển khai chương trình GDPT Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Các khái niệm cơ bản

2.1.1. Chương trình giáo dục

Thuật ngữ chương trình giáo dục xuất hiện từ năm 1820, tuy nhiên phải đến giữa thế kỉ 20, thuật ngữ này mới được sử dụng một cách chuyên nghiệp ở Hoa Kỳ và một số nước có nền giáo dục phát triển. Chương trình giáo dục (Curriculum) có gốc Latinh là Currere, có nghĩa là “to run” (chạy, điều hành hoặc “to run a course” - điều hành một khoá học).

Định nghĩa chương trình học như là một sản phẩm đã hoàn thiện đã không làm thoả mãn các nhà giáo dục tham gia phát triển chương trình học. Nhiều tác giả khác cũng cho rằng chương trình

giáo dục không phải là một sản phẩm được dùng cho lâu dài mà có tính phát triển liên tục.

Ngày nay, quan niệm về chương trình giáo dục đã rộng hơn, đó không chỉ là việc trình bày mục tiêu cuối cùng và bảng danh mục các nội dung giảng dạy. Chương trình vừa cần cụ thể hơn, bao quát hơn, vừa là một phức hợp bao gồm các bộ phận cấu thành:

- Mục tiêu học tập
- Phạm vi, mức độ và cấu trúc nội dung học tập
- Các phương pháp, hình thức tổ chức học tập
- Đánh giá kết quả học tập.

Như vậy, cấu trúc của chương trình bao gồm hai thành phần chính: sự hình dung trước những thành tích mà người học sẽ đạt được sau một thời gian học tập và cách thức, phương tiện, con đường, điều kiện để mong muốn đó trở thành hiện thực. Có thể xem định nghĩa sau đây đã bao hàm được những ý đó: Chương trình giáo dục là sự trình bày có hệ thống một kế hoạch tổng thể các hoạt động giáo dục trong một thời gian xác định, trong đó nêu lên các mục tiêu học tập mà người học cần đạt được, đồng thời xác định rõ phạm vi, mức độ nội dung học tập, các phương tiện, phương pháp, cách thức tổ chức học tập, cách đánh giá kết quả học tập v.v nhằm đạt được các mục tiêu học tập đề ra (Nguyễn Hữu Chí, Viện KHGD 2002).

Như vậy, CTGD vừa là công cụ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ thời đại, vừa là thước đo trình độ phát triển giáo dục trong thời đại mà nó phục vụ, nên “CT là sản phẩm của thời đại”. Điều đó có nghĩa rằng CTGD phải theo kịp sự phát triển của thời đại thì mới phục vụ đắc lực cho thời đại ấy. Như vậy CTGD không chỉ phản ánh nội dung giáo dục mà là hệ thống văn bản hay bản thiết kế thể hiện tổng thể các thành phần của quá trình giáo dục như điều kiện, cách thức, quy trình tổ chức, đánh giá các hoạt động giáo dục, đào tạo để đạt được mục tiêu giáo dục, đào tạo (Peter F. Oliva) Nguyễn Đức Chính (2015).

2.1.2. Phát triển chương trình giáo dục

Theo J. White (1995) con người không thể học tất cả những gì cần trong nhà trường, vì vậy chương trình giáo dục phải giúp tạo ra những sản phẩm “có thể đương đầu với những đòi hỏi của nghề nghiệp không ngừng thay đổi, với một thế giới biến động khôn lường”.

Như vậy, phát triển CTGD là quá trình bên soạn (hay xây dựng) tất cả các môn học trong một khóa học cụ thể. Nó bao gồm các hoạt động như: thiết kế nội dung lập kế hoạch, ứng dụng thử ng-

hiệm và nghiên cứu khoa học nhằm đưa ra những CTGD mới hoặc cải thiện những CTGD đã có Bùi Minh Hiền – Nguyễn Vũ Bích Hiền (2015).

Trên ý nghĩa đó, phát triển CT (curriculum development) là một quá trình liên tục, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật, làm mới toàn bộ hoặc một số thành tố của CT nhằm đảm bảo tính phát triển và ổn định của nó. Thuật ngữ “phát triển” CTGD còn bao hàm cả sự thay đổi, bổ sung liên tục trong chương trình giảng dạy để giúp việc học có hiệu quả hơn, đáp ứng yêu cầu của các đối tượng thụ hưởng, liên quan. “Phát triển là một chu trình mà điểm kết thúc sẽ lại là điểm khởi đầu, kết quả là một CTGD mới và ngày càng tốt hơn nữa” Bùi Minh Hiền – Nguyễn Vũ Bích Hiền (2015).

Có bốn hoạt động chính cần được thực hiện trong phát triển CTGD:

- Xác định người học cần gì hoặc muốn học gì về kiến thức, kỹ năng, thái độ.
- Xác định phương pháp, hình thức học tập phù hợp và các điều kiện hỗ trợ việc học tập.
- Tiến hành giảng dạy và đánh giá việc học.
- Chỉnh sửa CTGD thường xuyên sao cho phù hợp với nhu cầu học tập của người học.

2.2. Xu thế phát triển chương trình giáo dục phổ thông hiện nay

Chương trình GDPT là toàn bộ phương hướng và kế hoạch GDPT, trong đó nêu rõ mục tiêu GDPT, quy định yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực đối với học sinh, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, cách thức đánh giá kết quả giáo dục đối với các môn học, chuyên đề học tập và hoạt động trải nghiệm sáng tạo (gọi chung là môn học) ở mỗi lớp và mỗi cấp học của GDPT (Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới CT, SGK GDPT).

Cốt lõi của giáo dục hiện đại là đào tạo ra nguồn nhân lực sẵn sàng thích nghi trước mọi sự thay đổi của thời đại bằng tư duy và kỹ năng mà máy móc hay công nghệ không thể thay thế được. Vì vậy, xu thế phát triển chương trình GDPT hiện nay nhiều quốc gia đang thực hiện trong đó có Việt Nam là theo tiếp cận năng lực (NL). Tiếp cận năng lực trong giáo dục (CBE – competency based education) tập trung vào năng lực hành động, nhắm tới những gì người học dự kiến phải làm được hơn là nhắm tới những gì họ cần phải học.

Phát triển CT theo tiếp cận NL bắt đầu bằng việc: (1) xây dựng khung NL (được hiểu là một

tập hợp các kết quả học tập, rèn luyện được mong đợi ở người học khi kết thúc chương trình học); (2) tiếp theo là biên soạn nội dung chương trình từ những biểu hiện của kết quả học tập, rèn luyện tương ứng, xác định phương thức giảng dạy, giáo dục cần thiết để hỗ trợ giúp cho học sinh trong hoạt động học tập.

Khác với cách xây dựng chương trình truyền thống, phát triển chương trình GDPT theo tiếp cận NL đòi hỏi “mỗi cấu phần của chương trình từ mục tiêu, nội dung, phương pháp, các hình thức tổ chức hoạt động dạy và học ...đều nhất quán, cùng góp phần hướng tới những NL thành phần nằm ở chuẩn đầu ra” Bùi Minh Hiền – Nguyễn Vũ Bích Hiền (2015). Điều này phải được những người tham gia xây dựng CT/đề cương môn học tính đến khi ngay từ khi bắt đầu phát triển CT của môn khóa học hay môn học và nhằm mục tiêu “Giáo dục người học dựa trên năng lực thực hiện dẫn họ đến việc làm chủ được những kỹ năng cơ bản và kỹ năng sống cần thiết của cá nhân và hòa nhập tốt vào hoạt động lao động ngoài xã hội” (U.S. Office of Education) (Savage, 1993).

2.3 Kinh nghiệm quốc tế về phát triển chương trình giáo dục phổ thông, vận dụng vào thực tiễn giáo dục Việt Nam trong bối cảnh hiện nay

2.3.1. Về hệ thống giáo dục quốc dân

Phần lớn các nước trên thế giới quy định tuổi bắt đầu học tiểu học là 6 tuổi, giai đoạn giáo dục cơ bản bắt buộc gồm từ 9 đến 10 năm (vì vậy, trẻ em kết thúc giai đoạn giáo dục bắt buộc vào khoảng 14 – 15 tuổi) (UNESCO) Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ngân hàng phát triển Châu Á (2011).

Nhìn chung, sau 5 đến 10 năm các nước đều tiến hành đổi mới chương trình GDPT. Việc đổi mới rất đa dạng, có nước đổi mới chương trình nhiều cấp học trong cùng một giai đoạn, nhưng nhiều nước trong từng giai đoạn tập trung đổi mới chương trình một cấp, một bậc học hoặc một số lĩnh vực giáo dục.

Trung Quốc: Chu kỳ cải cách chương trình GDPT hoàn toàn phụ thuộc vào định hướng chính trị và yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Vòng đời của chương trình thường là từ 8 - 10 năm.

Hàn Quốc: Có giai đoạn tập trung đổi mới giáo dục trung học. Trong khi đang bắt đầu thực hiện Chương trình 2007 thì tới 2009 Tổng thống đặc cử yêu cầu tiếp tục đổi mới chương trình (gọi là Chương trình 2009).

Malaysia: Có giai đoạn tập trung vào giai đoạn giáo dục tiểu học, ở giai đoạn sau tập trung vào giáo dục trung học.

Anh: Năm 2000, đổi mới chương trình giáo dục tiểu học và trung học, nhưng sau đó việc đổi mới chương trình tập trung vào giáo dục trung học.

2.3.2. Các chu kỳ đổi mới và mục tiêu giáo dục phổ thông

Việc thay đổi chương trình diễn ra do nhu cầu đổi mới thường xuyên, đôi khi việc thay đổi lớn chương trình xuất hiện khi có sự thay đổi từ chính phủ (chiến lược phát triển kinh tế - xã hội mới và kéo theo đó yêu cầu mới với GDPT. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ngân hàng phát triển Châu Á (2011).

Phần lớn mục tiêu giáo dục được diễn đạt cho cả giai đoạn GDPT (từ giáo dục tiền học đường đến THPT). Nhìn chung, mục đích, mục tiêu giáo dục có thể được nhóm lại theo 5 lĩnh vực chính: (1) Phát triển cá nhân (phát triển các xu hướng, năng khiếu của cá nhân); (2) Kinh tế (khả năng đáp ứng nhu cầu việc làm); (3) Văn hóa và xã hội (khả năng hội nhập, phát triển xã hội lành mạnh, công bằng xã hội, sự đa dạng văn hóa, ngôn ngữ, giáo dục dân chủ, giáo dục công dân); (4) Kiến thức, kỹ năng, chuẩn mực (phát triển các chuẩn mực, kích thích sự sáng tạo, nhân mạnh toán học và các môn khoa học, công nghệ thông tin); (5) Mở rộng việc học tập (mở rộng việc học sau giáo dục bắt buộc, chuẩn bị cho học tập suốt đời...) Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ngân hàng phát triển Châu Á (2011).

Hàn Quốc chú ý tới giáo dục những công dân toàn cầu, chú trọng tới giáo dục các giá trị truyền thống, giáo dục đạo đức, giáo dục ý thức trách nhiệm đối với gia đình, cộng đồng và xã hội;

Anh chú trọng xây dựng mục tiêu giáo dục học sinh từ 14 - 19 tuổi, tạo nhiều cơ hội cho phát triển cá nhân, đáp ứng nhu cầu, tài năng và sở thích của mỗi học sinh;

Pháp có thêm mục tiêu đẩy mạnh tích hợp cuộc sống, việc làm, tạo dựng các nguyên tắc tổ chức học sinh học nghề trước khi tốt nghiệp trung học phổ thông;

Chương trình GDPT Singapore nhằm giáo dục thế hệ trẻ hướng tới lãnh đạo đất nước, tiếp tục giáo dục tình yêu đất nước, hiểu biết về đất nước, phát triển theo định hướng năng lực (ability - driven) thay cho định hướng hiệu quả (efficiency - driven).

Luật Giáo dục Mỹ (1994) đặt ra các mục tiêu cho GDPT: Mọi học sinh khi tốt nghiệp lớp 12

(17/18 tuổi) sẽ thể hiện năng lực về các môn tiếng Anh, Toán, Tự nhiên, Ngoại ngữ, Công dân và Nhà nước, Kinh tế, Nghệ thuật, Lịch sử và Địa lí...

2.3.3. Về các lĩnh vực, nội dung dạy học, hoạt động học tập chính

Ở nhiều nước chương trình được kết cấu theo các thành phần (yếu tố) sau: (1) Các lĩnh vực chung (bao gồm cả các môn không thi) là bắt buộc đối với mọi học sinh; (2) Các yếu tố cốt lõi bắt buộc; (3) Các môn tự chọn; (4) Tự học, hoạt động trải nghiệm trong hoạt động cộng đồng. Các yếu tố này được kết cấu trong chương trình chung cho mọi học sinh, tuy nhiên chương trình cũng đặc biệt quan tâm, đề cao, khuyến khích sự đa dạng và sáng tạo, xây dựng, bổ sung các lĩnh vực học tập mới.

Ở Australia, các lĩnh vực học tập chủ yếu được xác định là: Nghệ thuật, Tiếng Anh, Giáo dục sức khỏe và thể chất, Các ngôn ngữ ngoài tiếng Anh, Toán, Khoa học, Tìm hiểu xã hội và môi trường, Công nghệ.

Ở Hàn Quốc, chủ đề môn học được chia ra làm 10 lĩnh vực: Tiếng Hàn, Giáo dục đạo đức, Ng- hiên cứu xã hội, Toán, Khoa học, Nghệ thuật ứng dụng, Thể dục, Âm nhạc, Nghệ thuật và Ngoại ngữ (tiếng Anh); Các hoạt động tự chọn được chia ra thành các hoạt động tự chọn theo môn học và các hoạt động sáng tạo; Chương trình tự chọn THPT bao gồm các môn học và các hoạt động ngoài chương trình. Các môn học được chia thành các môn chung và môn chuyên sâu.

Ở Liên bang Nga, nội dung GDPT, theo truyền thống được phân chia thành các lĩnh vực Khoa học xã hội - nhân văn và Khoa học tự nhiên - Toán học.

2.3.4. Về phân cấp quản lý và quy trình tổ chức phát triển chương trình

Phân cấp quản lý nhà nước đối với GDPT là một nội dung quan trọng trong chương trình cải cách hành chính trong giáo dục của mỗi quốc gia. Phân cấp quản lý nhà nước đối với GDPT theo mô hình giáo dục toàn diện trên cơ sở xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, vai trò và vị trí của các cơ quan quản lý giáo dục và sự phối hợp của chính quyền và các ban ngành trong việc thực thi chức năng quản lý nhà nước về giáo dục sẽ mang lại hiệu quả.

Hàn Quốc, Bộ Giáo dục biên soạn và quản lý chương trình giáo dục quốc gia. Các tỉnh thành phố hướng dẫn làm chương trình nhà trường. Nhà trường xây dựng Sổ tay chương trình nhà trường. Giáo viên xây dựng kế hoạch cho môn học và bài giảng.

Phần Lan, việc quản lý chương trình theo sự phân cấp như sau: Chính phủ ra quyết định về các nhiệm vụ chung, phân bổ thời lượng; Bộ giáo dục chuẩn bị cơ sở pháp lý và quyết định về chính sách giáo dục; Hội đồng quốc gia giáo dục xác định các nhiệm vụ cụ thể và các nội dung chính của các môn, nhóm môn, hoạt động tư vấn nghề nghiệp và các môn tự chọn trong chương trình cốt lõi quốc gia, hướng dẫn đánh giá và xác định các phục vụ hỗ trợ chung và hỗ trợ đặc biệt; Chính quyền địa phương căn cứ vào chương trình quốc gia cốt lõi, xây dựng chương trình địa phương.

Ở Malaysia, việc phát triển chương trình giáo dục được thực hiện theo chu trình với các bước sau;

- Phân tích nhu cầu;
- Lập kế hoạch;
- Thiết kế và triển khai;
- Đánh giá công khai;
- Thí điểm và thực hiện có giới hạn;
- Triển khai và giám sát, đánh giá;
- Hỗ trợ, hướng dẫn và đánh giá.

Hoạt động thí điểm chỉ triển khai trên diện hẹp (gần 10% số trường) trong khoảng thời gian 3 tháng, nhà trường chỉ thí điểm dạy học và quản lý dạy học một số mô đun trong chương trình mới đồng thời cho tất cả các môn.

Ở Australia, quá trình phát triển chương trình gồm 4 bước: Phác thảo, biên soạn, triển khai và đánh giá. Nhóm biên soạn chương trình có 10 - 12 người và một quan chức của Cơ quan báo cáo và đánh giá chương trình giáo dục quốc gia Australia.

2.3.5. Về biên soạn sách giáo khoa và các tài liệu khác

Việc tổ chức biên soạn sách giáo khoa khá đa dạng ở các nước. Trên cơ sở chương trình quốc gia, có thể có nhiều bộ sách giáo khoa. Ở Hàn Quốc, Bộ Giáo dục giao quyền cho các công ty tư nhân tổ chức biên soạn và in ấn, phát hành sách giáo khoa; Phần Lan để các nhà xuất bản tổ chức viết sách giáo khoa, tác giả sách giáo khoa có thể là giáo viên phổ thông.

Sách giáo khoa được các nhà xuất bản in nhưng phải được Nhà nước thẩm định và phê duyệt về chất lượng, cho phép ban hành (Malaysia, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ý, Pháp, Đức...). Ở Anh, cơ quan từ nhân sản xuất sách giáo khoa, Bộ cung cấp hướng dẫn và có thể sản xuất/ủy quyền phân phối tài liệu; Ở Hà Lan, Bộ quy định mục tiêu giáo dục cần đạt nhưng không quy định hay sản xuất tài liệu giảng dạy cụ thể nào. Giáo viên tự do lựa chọn sách giáo khoa. Nhà trường cung cấp

sách cho cấp tiểu học (cho mượn). Ở phổ thông, cha mẹ học sinh thường mua. Nhiều nhà trường có quỹ dành cho mua sách và cho mượn sách; Ở Mỹ, sách được các tập đoàn tư nhân sản xuất. Giáo viên (hoặc Hội đồng trường) lựa chọn, khoảng một số nửa bang của Mỹ có một danh mục sách giáo khoa được bang phê duyệt để các trường lựa chọn. Ở hầu hết các bang, sách giáo khoa được cung cấp miễn phí.

2.3.6. Về đội ngũ giáo viên

Giáo viên có vai trò quyết định tới chất lượng, sự thành bại của một chương trình giáo dục. Vì vậy, các quốc gia đều chú trọng tới xây dựng đội ngũ giáo viên đủ phẩm chất và năng lực chuyên môn thích ứng với sự thay đổi, cải cách chương trình GDPT.

Thời gian đào tạo giáo viên tiểu học ở Pháp, Đức, Canada, Mỹ, Australasia khoảng 5 năm. Thời gian đào tạo viên tiểu học ở Nhật, Ailen, Singapore là 4 năm. Thời gian đào tạo giáo viên THCS ở Đức là hơn 6 năm, Ý, Mỹ là 5 năm, Thụy Điển từ 4.5 đến 5.5 năm, Hàn Quốc là 4 năm.

Tỉ lệ giáo viên/học sinh ở các nước nhìn chung thấp, giáo viên có điều kiện tổ chức dạy học phân hóa (vi mô).

Việc đào tạo và bồi dưỡng tiếp đội ngũ giáo viên được tiến hành thường xuyên ở tất cả các nước. Ở Malaysia, để đảm bảo cho đội ngũ giáo viên nắm chắc tư tưởng, cấu trúc, nội dung và những điểm mới của chương trình, chính phủ yêu cầu việc bồi dưỡng giáo viên cần được thực hiện trước khi triển khai chương trình 1 năm. Quan điểm của các trường đào tạo giáo viên về cơ bản thống nhất “đào tạo giáo viên sáng tạo để đào tạo ra học sinh sáng tạo”. Ở Nhật, có hình thức tổ chức “nghiên cứu bài học” (lesson study) có tác dụng tăng cường bồi dưỡng giáo viên thường xuyên, tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu của giáo viên trong hoạt động chuyên môn hàng ngày ở trường. Ở Hàn Quốc, xem việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên là “chìa khóa để có chất lượng giáo dục”. Muốn trở thành giáo viên THCS, phải được đào tạo 4 năm, trải qua 2 giai đoạn.

Từ những nét chung của các nước về phát triển chương trình GDPT, có thể rút ra được một số điểm vận dụng sau:

Phát triển CTGD là một hoạt động chuyên môn bình thường, diễn ra thường xuyên trong GDPT. Phát triển chương trình giáo dục là tất yếu.

Giai đoạn, hình thức thay đổi chương trình đa dạng, linh hoạt: đổi mới chương trình nhiều cấp

học trong cùng một giai đoạn, hoặc trong từng giai đoạn tập trung đổi mới chương trình một cấp, một bậc học hoặc một số lĩnh vực giáo dục.

GDPT, chương trình GDPT luôn gắn liền và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, “chương trình là sản phẩm của thời đại”.

Mục tiêu GDPT nhất quán cho các bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Xu hướng chung hiện nay là hướng tới phát triển năng lực của người công dân, học sinh được phát triển hài hòa cả về thể chất lẫn tinh thần, đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại, hội nhập quốc tế và mỗi cấp học có thể xác định các mục tiêu riêng, đa dạng, linh hoạt phù hợp với nhu cầu của người học, đặc trưng văn hóa dân tộc, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội quốc gia trong từng giai đoạn...

Các lĩnh vực, nội dung dạy học, hoạt động học tập chính được xác định trong khung chương trình chung cho mọi học sinh nhưng chú trọng đến các lĩnh vực học tập mới và phân hóa theo từng cấp học, môn học; khuyến khích sự đa dạng, sáng tạo, xây dựng các hoạt động tự chọn sáng tạo trong chương trình. Ở cấp THPT, nội dung học tập cần được thiết kế đa dạng nhằm đáp ứng các khuynh hướng nghề nghiệp, năng khiếu của người học.

Xu thế phân cấp quản lý phát triển chương trình GDPT được thực hiện theo hướng tăng quyền cho các cấp dưới; Mở rộng quyền tham gia xây dựng chương trình cho các cấp địa phương, cho các cơ sở giáo dục; Bộ xây dựng khung chương trình giáo dục, các địa phương căn cứ vào khung chương trình xây dựng chương trình phù hợp địa phương, các trường có chương trình vận dụng của mình (chương trình nhà trường); Việc quản lý, giám sát thực hiện và điều chỉnh chương trình được thực hiện ở cấp quản lý giáo dục địa phương, tăng quyền cho các trường; Chương trình giáo dục, ngoài việc các trường tự đánh giá, việc đánh giá được thực hiện theo cơ chế đánh giá ngoài...

Để giáo viên có thể thích ứng nhanh với thay đổi của chương trình, hoạt động phát triển năng lực chuyên môn của giáo viên phải được thực hiện thường xuyên, liên tục; Cần đổi mới chương trình đào tạo giáo viên ở các trường sư phạm, chương trình bồi dưỡng giáo viên, tập trung phát triển năng lực chuyên môn, năng lực nghiên cứu khoa học trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên, chuẩn bị khả năng thích ứng dễ dàng với sự thay đổi chương trình.

III. KẾT LUẬN

Giáo dục phổ thông Việt Nam đang có sự đổi mới cơ bản và toàn diện phù hợp với xu thế phát triển chung của giáo dục thế giới. Trong các phương diện đổi mới của giáo dục phổ thông Việt Nam, đổi mới chương trình giáo dục được xem là một trong những khâu trọng tâm đặc biệt trong

bối cảnh chúng ta đang triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho các cấp học. Do vậy, trong quá trình phát triển, việc tìm hiểu các thông tin về xây dựng chương trình GDPT ở các nước có nền giáo dục phát triển cao và các nước tương đồng với Việt Nam là yêu cầu tất yếu, có ý nghĩa thực tiễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông mới*.

Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Ngân hàng phát triển Châu Á (2011), Kinh nghiệm quốc tế về phát triển chương trình giáo dục phổ thông*, Nxb ĐH Quốc gia Hà Nội.

Nguyễn Đức Chính (2015), *Phát triển chương trình giáo dục*, Nxb Giáo dục.

Đảng Cộng Sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết 29/2003/NQ-TW ngày 04/11/2013 “Về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*.

Bùi Minh Hiền – Nguyễn Vũ Bích Hiền (2015), *Quản lý và lãnh đạo nhà trường*, Nxb Đại học Sư phạm.

Ngôn ngữ Việt Nam (2013), *Từ điển tiếng Việt*, Nhà xuất bản Hồng Đức.

UNESCO, *Thống kê giáo dục*, <http://stats.uis.unesco.org/unesco/>.